

UNIT 9:**NATURAL DISASTERS****LOOKING BACK****I/ NEW WORDS:**

- slide /slaid/	(v) : trượt, tuột
- climber /'klaɪ.mər/	(n) : người leo núi
- hurricane/'hʌr.ɪ.kən/	(n) : bão, gió lốc
- land /lənd/	(v) : hạ cánh, đổ bộ
- reservation /,rez.ə'veɪ.ʃən/	(n) : sự đặt chỗ trước
- survivor /sə'veɪ.vər/	(n) : người sống sót
- steal- stole- stolen /sti:l/ /stəʊl/ /'stəʊ.lən/	(v) : ăn cắp, ăn trộm